CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
(HO CHI MINH CITY DEPARTMENT OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY)
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
(HO CHI MINH CITY TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY)
Địa chỉ *(Add)*: 263 Điện Biên Phủ, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. HCM
(263 Dien Bien Phu Str., Vo Thi Sau Ward, Dist. 3, HCMC)
Tel: (028) 3930 2733 ; Fax: (028) 3930 2790
Website: *http://www.smeq.com.vn*

Số *(N⁰)*: **0104TN24/1/TĐC-TN**	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *(TEST REPORT)*	Trang *(Page)*: **01/05**

Tên mẫu : **CÁP CÁCH ĐIỆN BẰNG POLYVINYL CLORUA KHÔNG CÓ VỎ BỌC CÓ ĐIỆN ÁP DANH ĐỊNH ĐẾN VÀ BẰNG 0,6/1 (1,2) kV**

Ký hiệu, nhãn hiệu : THANG LONG (KOREA Cu) – CV – 16 Cu/PVC – 0,6/1 kV AS/NZS 5000.1 09/01/23, THANH LONG

Mã số : 0104TN24/1

Mô tả mẫu : Đoạn cáp dài 12 m màu đen. Nhãn trên mẫu: THANG LONG (KOREA Cu) – CV – 16 Cu/PVC – 0,6/1 kV AS/NZS 5000.1 09/01/23

Ngày gửi mẫu : 01/03/2024

Ngày thực hiện : 01/03/2024

Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DÂY CÁP ĐIỆN THĂNG LONG**

Địa chỉ : 418/4F Trần Phú, Phường 7, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

Hợp đồng thử nghiệm số: 0104TN24

Tình trạng mẫu : Mẫu còn nguyên niêm phong; Ký hiệu tem niêm phong: TQC. 5882-08

Điều kiện thử nghiệm: - Nhiệt độ (/) ^{0}C; - Độ ẩm tương đối (/) %

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM: Xem trang 02/05 – 05/05

NHẬN XÉT KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM:

Mẫu Cáp cách điện bằng Polyvinyl clorua không có vỏ bọc có điện áp danh định đến và bằng 0,6/1 (1,2) kV, ký hiệu THANG LONG (KOREA Cu) – CV – 16 Cu/PVC – 0,6/1 kV AS/NZS 5000.1 09/01/23, nhãn hiệu THANG LONG, mã số 0104TN24/1 có các chỉ tiêu yêu cầu được thử nghiệm phù hợp với AS/NZS 5000.1: 2005./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2024

TP. THỬ NGHIỆM	**GIÁM ĐỐC**
Nguyễn Kim Trọng	**Nguyễn Minh Hiếu**

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 0104TN24/1

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	MỨC CHẤT LƯỢNG	NHẬN XÉT
Mức chất lượng và Phương pháp thử: AS/NZS 1125: 2001; AS/NZS 5000.1: 2005; AS/NZS 1660.3: 1998; AS/NZS 3808: 2000; AS/NZS 1660.2.1: 1998				

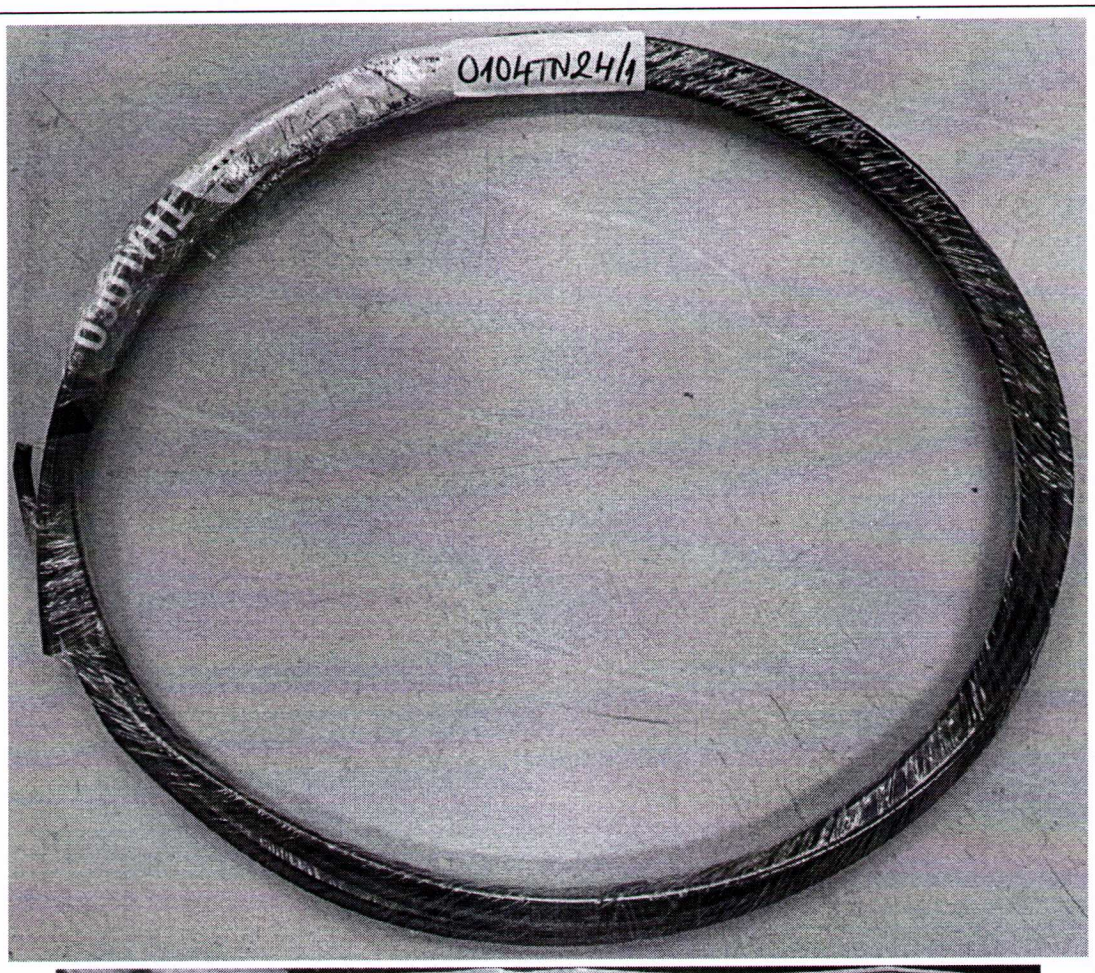

(Kết quả trên chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm)

- Phiếu KQTN không được trích dẫn, sao chép nếu không có sự đồng ý của Trung tâm bằng văn bản, ngoại trừ việc sao chép lại toàn bộ
- Thời gian giữ mẫu 15 ngày kể từ ngày nhận kết quả. Quá thời hạn trên, Trung tâm sẽ thanh lý mẫu
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gởi mẫu.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 0104TN24/1

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	MỨC CHẤT LƯỢNG	NHẬN XÉT
Mức chất lượng và Phương pháp thử: AS/NZS 1125: 2001; AS/NZS 5000.1: 2005; AS/NZS 1660.3: 1998; AS/NZS 3808: 2000; AS/NZS 1660.2.1: 1998				
1	**Thử nghiệm điện**			**Đạt**
1.1	Điện trở ruột dẫn ở 20°C (Ω/km)	1,138	≤ 1,15	Đạt
1.2	Thử nghiệm điện áp ở 1800 V trong 4 giờ	Không đánh thủng	Không bị đánh thủng	Đạt
1.3	Thử nghiệm điện áp ở 3500 V trong 5 phút	Không đánh thủng	Không bị đánh thủng	Đạt
1.4	Hằng số điện trở cách điện ở 20°C (GΩ.m)	105,4	≥ 40	Đạt
1.5	Hằng số điện trở cách điện ở 75°C (GΩ.m)	0,301	≥ 0,02	Đạt
2	**Yêu cầu về kết cấu và đặc tính kích thước**			**Đạt**
2.1	**Ruột dẫn**			**Đạt**
2.1.1	Đường kính sợi dẫn (mm)	1,705	/	/
2.1.2	Cấp ruột dẫn	2	/	/
2.1.2	Mặt cắt ruột dẫn (mm^2)	15,99	/	/
2.1.3	Số lượng ruột dẫn	1	/	/
2.1.4	Số sợi dẫn	7	≥ 6	Đạt
2.1.5	Đường kính ruột dẫn (mm)	4,752	4,6 ÷ 5,2	Đạt

(Kết quả trên chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm)

- Phiếu KQTN không được trích dẫn, sao chép nếu không có sự đồng ý của Trung tâm bằng văn bản, ngoại trừ việc sao chép lại toàn bộ
- Thời gian giữ mẫu 15 ngày kể từ ngày nhận kết quả. Quá thời hạn trên, Trung tâm sẽ thanh lý mẫu
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gởi mẫu.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 0104TN24/1

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	MỨC CHẤT LƯỢNG	NHẬN XÉT
Mức chất lượng và Phương pháp thử: AS/NZS 1125: 2001; AS/NZS 5000.1: 2005; AS/NZS 1660.3: 1998; AS/NZS 3808: 2000; AS/NZS 1660.2.1: 1998				
2.2	**Cách điện**			**Đạt**
2.2.1	Chiều dày cách điện (mm)			Đạt
	Chiều dày cách điện trung bình	1,184	≥ 1,0	Đạt
	Chiều dày cách điện nhỏ nhất	1,103	≥ 0,8	Đạt
3	**Tính chất cơ học của cách điện**			**Đạt**
3.1	**Thử nghiệm kéo trước lão hóa**			**Đạt**
	Độ bền kéo, giá trị giữa (N/mm^2)	17,1	≥ 12,5	Đạt
	Độ giãn dài khi đứt, giá trị giữa (%)	252,7	≥ 150	Đạt
3.2	**Thử nghiệm kéo sau lão hóa ở (110 ± 2) °C trong 240 giờ**			**Đạt**
	Độ bền kéo, giá trị giữa (N/mm^2)	16,7	≥ 12,5	Đạt
	Sự thay đổi (%)	97,6	≥ 75	Đạt
	Độ giãn dài khi đứt, giá trị giữa (%)	219,2	≥ 150	Đạt
	Sự thay đổi (%)	86,7	≥ 65	Đạt
4	**Ghi nhãn**			**Đạt**
4.1	**Xuất xứ và dấu hiệu nhận biết cáp**			**Đạt**
	Trên cáp phải chỉ ra nhà chế tạo theo chuỗi liên tục hoặc ghi nhãn lặp lại tên hoặc nhãn thương mại của nhà chế tạo	Phù hợp	Trên cáp phải chỉ ra nhà chế tạo	Đạt

(Kết quả trên chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm)

- Phiếu KQTN không được trích dẫn, sao chép nếu không có sự đồng ý của Trung tâm bằng văn bản, ngoại trừ việc sao chép lại toàn bộ
- Thời gian giữ mẫu 15 ngày kể từ ngày nhận kết quả. Quá thời hạn trên, Trung tâm sẽ thanh lý mẫu
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gởi mẫu.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	MỨC CHẤT LƯỢNG	NHẬN XÉT
Mức chất lượng và Phương pháp thử: AS/NZS 1125: 2001; AS/NZS 5000.1: 2005; AS/NZS 1660.3: 1998; AS/NZS 3808: 2000; AS/NZS 1660.2.1: 1998				
	Nhãn có thể in hoặc khắc chìm trên cách điện hoặc vỏ bọc	Phù hợp	Nhãn có thể in hoặc khắc chìm trên vỏ bọc	Đạt
4.2	**Độ tiếp nối của nhãn**: Khoảng cách giữa điểm kết thúc của một lần ghi nhãn hoàn chỉnh và điểm bắt đầu của lần ghi nhãn tiếp theo không được vượt quá:			**Đạt**
	▪ Khoảng cách nhãn	542 mm	≤ 550	Đạt
4.3	**Độ bền nhãn**	Phù hợp	Nhãn in phải bền	**Đạt**
4.4	**Độ rõ**	Phù hợp	Tất cả nội dung ghi nhãn phải rõ ràng	**Đạt**
5	**Nhận biết lõi**			/
5.1	Bằng màu sắc	Không áp dụng	/	/
5.2	Bằng số	Không áp dụng	/	

Ghi chú:

1. Các điều khoản trong AS/NZS 5000.1: 2005 không đưa vào phiếu kết quả thử nghiệm là các điều khoản cung cấp thông tin, không áp dụng hoặc khách hàng không yêu cầu thử đối với mẫu thử nghiệm.

(Kết quả trên chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm)

- Phiếu KQTN không được trích dẫn, sao chép nếu không có sự đồng ý của Trung tâm bằng văn bản, ngoại trừ việc sao chép lại toàn bộ
- Thời gian giữ mẫu 15 ngày kể từ ngày nhận kết quả. Quá thời hạn trên, Trung tâm sẽ thanh lý mẫu
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gởi mẫu.

CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
(HO CHI MINH CITY DEPARTMENT OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY)
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
(HO CHI MINH CITY TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY)
Địa chỉ *(Add)*: 263 Điện Biên Phủ, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. HCM
(263 Dien Bien Phu Str., Vo Thi Sau Ward, Dist. 3, HCMC)
Tel: (028) 3930 2733 ; Fax: (028) 3930 2790
Website: *http://www.smeq.com.vn*

Số *(N⁰)*: **0104TN24/2/TĐC-TN**	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *(TEST REPORT)*	Trang *(Page)*: **01/05**

Tên mẫu : **CÁP CÁCH ĐIỆN BẰNG POLYVINYL CLORUA CÓ ĐIỆN ÁP DANH ĐỊNH ĐẾN VÀ BẰNG 300 V**

Ký hiệu, nhãn hiệu : TLC SPT-0 22AWG Cu/PVC 300 V UL 62 – (KOREA Cu) DOI 2x16 19.02.24, TLC

Mã số : 0104TN24/2

Mô tả mẫu : Đoạn cáp dài 12 m màu vàng. Nhãn trên mẫu: TLC SPT-0 22AWG Cu/PVC 300 V UL 62 – (KOREA Cu) DOI 2x16 19.02.24

Ngày gửi mẫu : 01/03/2024

Ngày thực hiện : 01/03/2024

Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DÂY CÁP ĐIỆN THĂNG LONG**

Địa chỉ : 418/4F Trần Phú, Phường 7, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

Hợp đồng thử nghiệm số: 0104TN24

Tình trạng mẫu : Mẫu còn nguyên niêm phong; Ký hiệu tem niêm phong số: TQC. 5882-02

Điều kiện thử nghiệm: - Nhiệt độ (/) ^{0}C; - Độ ẩm tương đối (/) %

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM: Xem trang 02/05 – 05/05

NHẬN XÉT KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM:

Mẫu Cáp cách điện bằng Polyvinyl clorua có điện áp danh định đến và bằng 300 V, ký hiệu TLC SPT-0 22AWG Cu/PVC 300 V UL 62 – (KOREA Cu) DOI 2x16 19.02.24, nhãn hiệu TLC, mã số 0104TN24/2 có các chỉ tiêu yêu cầu được thử nghiệm phù hợp với UL 62: 2010./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2024

TP. THỬ NGHIỆM	**GIÁM ĐỐC**
Nguyễn Kim Trọng	**Nguyễn Minh Hiếu**

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ – CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG – TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 0104TN24/2

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM		MỨC CHẤT LƯỢNG	NHẬN XÉT
		Lõi 1	Lõi 2		
Mức chất lượng và Phương pháp thử: UL 62: 2010 ; UL 1581:2011, UL 2556: 2013; UL 758: 2016					

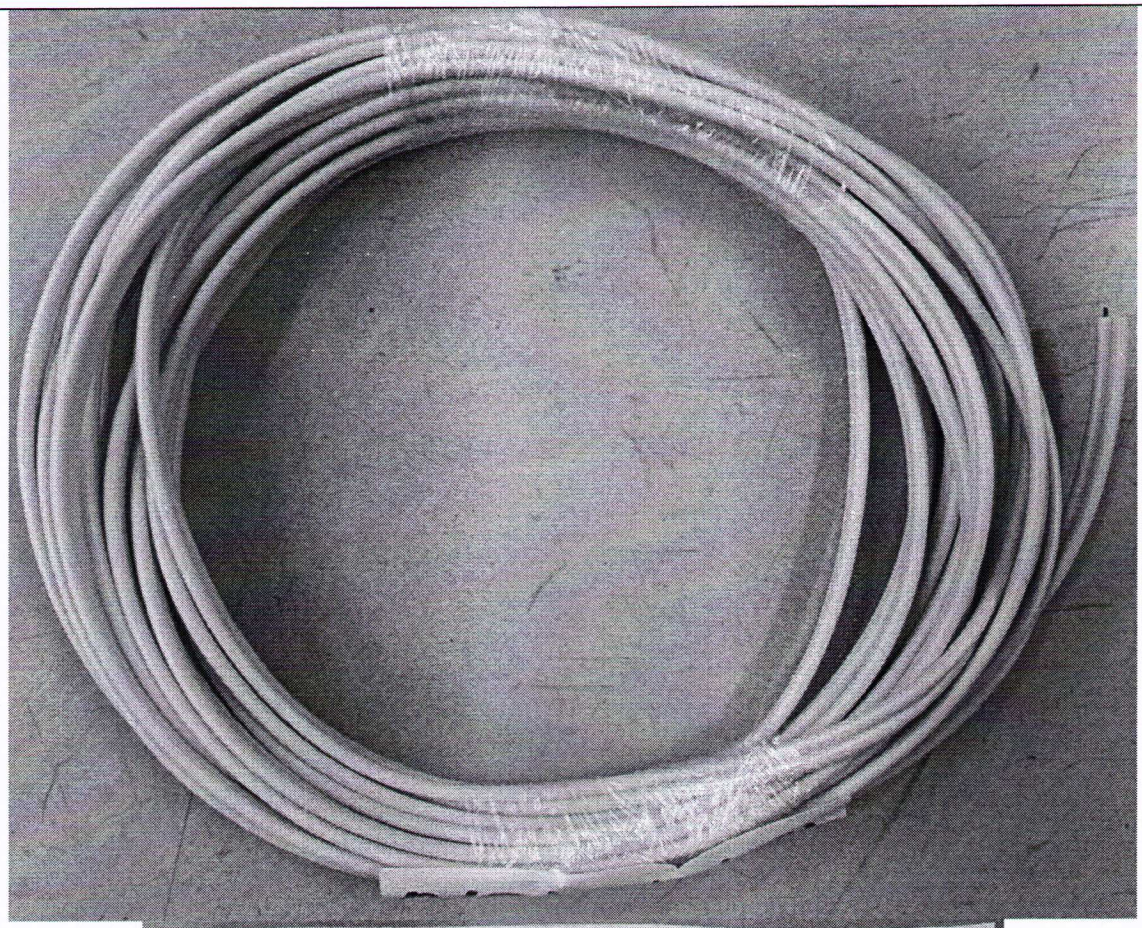

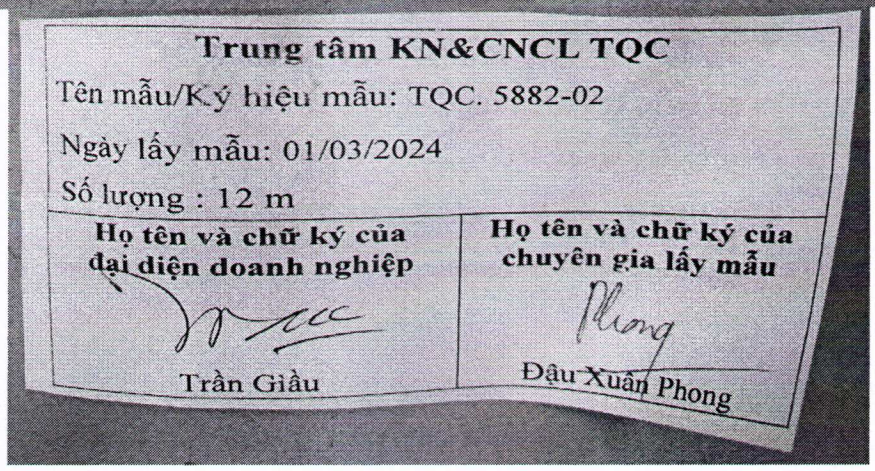

(Kết quả trên chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm)

- Phiếu KQTN không được trích dẫn, sao chép nếu không có sự đồng ý của Trung tâm bằng văn bản, ngoại trừ việc sao chép lại toàn bộ
- Thời gian giữ mẫu 15 ngày kể từ ngày nhận kết quả. Quá thời hạn trên, Trung tâm sẽ thanh lý mẫu
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gởi mẫu.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 0104TN24/2

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM		MỨC CHẤT LƯỢNG	NHẬN XÉT
		Lõi 1	Lõi 2		
Mức chất lượng và Phương pháp thử: UL 62: 2010 ; UL 1581:2011, UL 2556: 2013; UL 758: 2016					
1	**Ghi nhãn**				**Đạt**
1.1	**Xuất xứ và dấu hiệu nhận biết cáp**				**Đạt**
	Trên cáp phải chỉ ra nhà chế tạo theo chuỗi liên tục hoặc ghi nhãn lặp lại tên hoặc nhãn thương mại của nhà chế tạo	Phù hợp		Trên cáp phải chỉ ra nhà chế tạo	Đạt
	Nhãn có thể in hoặc khắc chìm trên cách điện hoặc vỏ bọc	Phù hợp		Nhãn có thể in hoặc khắc chìm trên vỏ bọc	Đạt
1.2	**Độ tiếp nối của nhãn**: Khoảng cách giữa điểm kết thúc của một lần ghi nhãn hoàn chỉnh và điểm bắt đầu của lần ghi nhãn tiếp theo				**Đạt**
	Khoảng cách nhãn	589 mm		≤ 600	Đạt
1.3	**Độ bền nhãn**	Phù hợp		Nhãn in phải bền	**Đạt**
1.4	**Độ rõ**	Phù hợp		Tất cả nội dung ghi nhãn phải rõ ràng	**Đạt**
2	**Nhận biết lõi**				/
2.1	Bằng màu sắc	/		/	/
2.2	Bằng số	/		/	/

(Kết quả trên chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm)

- Phiếu KQTN không được trích dẫn, sao chép nếu không có sự đồng ý của Trung tâm bằng văn bản, ngoại trừ việc sao chép lại toàn bộ
- Thời gian giữ mẫu 15 ngày kể từ ngày nhận kết quả. Quá thời hạn trên, Trung tâm sẽ thanh lý mẫu
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gởi mẫu.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 0104TN24/2

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM		MỨC CHẤT LƯỢNG	NHẬN XÉT
		Lõi 1	Lõi 2		
Mức chất lượng và Phương pháp thử: UL 62: 2010 ; UL 1581:2011, UL 2556: 2013; UL 758: 2016					
3	**Thử nghiệm điện**				**Đạt**
3.1	Điện trở ruột dẫn ở 20°C (Ω/km)	50,31	50,21	≤ 54,0	Đạt
3.2	Thử nghiệm điện áp ở 2000 V trong 1 phút trên cáp hoàn chỉnh	Không đánh thủng		Không bị đánh thủng	Đạt
3.3	Điện trở cách điện ở 15°C (MΩ.km)	7,181	7,185	≥ 0,76	Đạt
4	**Yêu cầu về kết cấu và đặc tính kích thước**				**Đạt**
4.1	**Ruột dẫn**				/
4.1.1	Đường kính sợi dẫn (mm)	0,170	0,170	/	/
4.1.2	Mặt cắt ruột dẫn (mm^2)	0,318	0,318	/	/
4.1.3	Số lượng ruột dẫn	2		/	/
4.1.4	Số sợi dẫn	14		/	/
4.1.5	Đường kính ruột dẫn (mm)	0,636	0,636	/	/
4.2	**Cách điện**				**/**
4.2.1	Chiều dày cách điện (mm)				/
	Chiều dày cách điện trung bình	0,920	0,916	/	/
	Chiều dày cách điện nhỏ nhất	0,851	0,855	/	/

(Kết quả trên chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm)

- Phiếu KQTN không được trích dẫn, sao chép nếu không có sự đồng ý của Trung tâm bằng văn bản, ngoại trừ việc sao chép lại toàn bộ
- Thời gian giữ mẫu 15 ngày kể từ ngày nhận kết quả. Quá thời hạn trên, Trung tâm sẽ thanh lý mẫu
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gởi mẫu.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 0104TN24/2

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM		MỨC CHẤT LƯỢNG	NHẬN XÉT
		Lõi 1	Lõi 2		
Mức chất lượng và Phương pháp thử: UL 62: 2010 ; UL 1581:2011, UL 2556: 2013; UL 758: 2016					
5	**Tính chất cơ học của cách điện**				**Đạt**
5.1	Thử nghiệm kéo trước lão hóa				Đạt
	Độ bền kéo, giá trị giữa (N/mm^2)	11,2	11,1	≥ 10,3	Đạt
	Độ giãn dài khi đứt, giá trị giữa (%)	254,2	249,6	≥ 100	Đạt
5.2	Thử nghiệm kéo sau lão hóa ở (136 ± 2) °C trong 168 giờ				Đạt
	Độ bền kéo, giá trị giữa (N/mm^2)	10,9	10,8	≥ 10,3	Đạt
	Sự thay đổi (%)	97,3	97,2	≥ 85	Đạt
	Độ giãn dài khi đứt, giá trị giữa (%)	220,8	225,9	≥ 100	Đạt
	Sự thay đổi (%)	86,8	90,5	≥ 65	Đạt

Ghi chú:

1. Các điều khoản trong UL 62: 2010 không đưa vào phiếu kết quả thử nghiệm là các điều khoản cung cấp thông tin, không áp dụng hoặc khách hàng không yêu cầu thử đối với mẫu thử nghiệm.

(Kết quả trên chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm)

- Phiếu KQTN không được trích dẫn, sao chép nếu không có sự đồng ý của Trung tâm bằng văn bản, ngoại trừ việc sao chép lại toàn bộ
- Thời gian giữ mẫu 15 ngày kể từ ngày nhận kết quả. Quá thời hạn trên, Trung tâm sẽ thanh lý mẫu
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gởi mẫu.

CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
(HO CHI MINH CITY DEPARTMENT OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY)
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
(HO CHI MINH CITY TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY)
Địa chỉ *(Add)*: 263 Điện Biên Phủ, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. HCM
(263 Dien Bien Phu Str., Vo Thi Sau Ward, Dist. 3, HCMC)
Tel: (028) 3930 2733 ; Fax: (028) 3930 2790
Website: *http://www.smeq.com.vn*

Số *(N⁰)*:	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *(TEST REPORT)*	Trang *(Page)*:
0104TN24/3/TĐC-TN		**01/05**

Tên mẫu : **CÁP CÁCH ĐIỆN BẰNG POLYMER CÓ ĐIỆN ÁP DANH ĐỊNH ĐẾN VÀ BẰNG 0,6/1 kV**

Ký hiệu, nhãn hiệu : THALOCO JAPAN STANDARD JIS C 3306: 2000 (Cu – 100% DONG NGUYEN CHAT) VCm 2x 0,5 SQMM 450/750 V DOI 16 150622, THALOCO

Mã số : 0104TN24/3

Mô tả mẫu : Đoạn cáp dài 12 m màu đen. Nhãn trên mẫu: THALOCO JAPAN STANDARD JIS C 3306: 2000 (Cu – 100% DONG NGUYEN CHAT) VCm 2x 0,5 SQMM 450/750 V DOI 16 150622

Ngày gửi mẫu : 01/03/2024

Ngày thực hiện : 01/03/2024

Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DÂY CÁP ĐIỆN THĂNG LONG**

Địa chỉ : 418/4F Trần Phú, Phường 7, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

Hợp đồng thử nghiệm số: 0104TN24

Tình trạng mẫu : Mẫu còn nguyên niêm phong; Ký hiệu tem niêm phong số: TQC. 5882-03

Điều kiện thử nghiệm: - Nhiệt độ (/) ^{0}C; - Độ ẩm tương đối (/) %

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM: Xem trang 02/05 – 05/05

NHẬN XÉT KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM:

Mẫu Cáp cách điện bằng Polymer có điện áp danh định đến và bằng 0,6/1 kV, ký hiệu THALOCO JAPAN STANDARD JIS C 3306: 2000 (Cu – 100% DONG NGUYEN CHAT) VCm 2x 0,5 SQMM 450/750 V DOI 16 150622, nhãn hiệu THALOCO, mã số 0104TN24/3 có các chỉ tiêu yêu cầu được thử nghiệm phù hợp với tiêu chuẩn JIS C 3306: 2000./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2024

TP. THỬ NGHIỆM	**GIÁM ĐỐC**
Nguyễn Kim Trọng	**Nguyễn Minh Hiếu**

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ★ TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH ★ CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG THÀNH PHỐ

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 0104TN24/3

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM		MỨC CHẤT LƯỢNG	NHẬN XÉT
		Lõi 1	Lõi 2		
Mức chất lượng và Phương pháp thử: JIS C 3306: 2000; JIS C 3005: 2014					

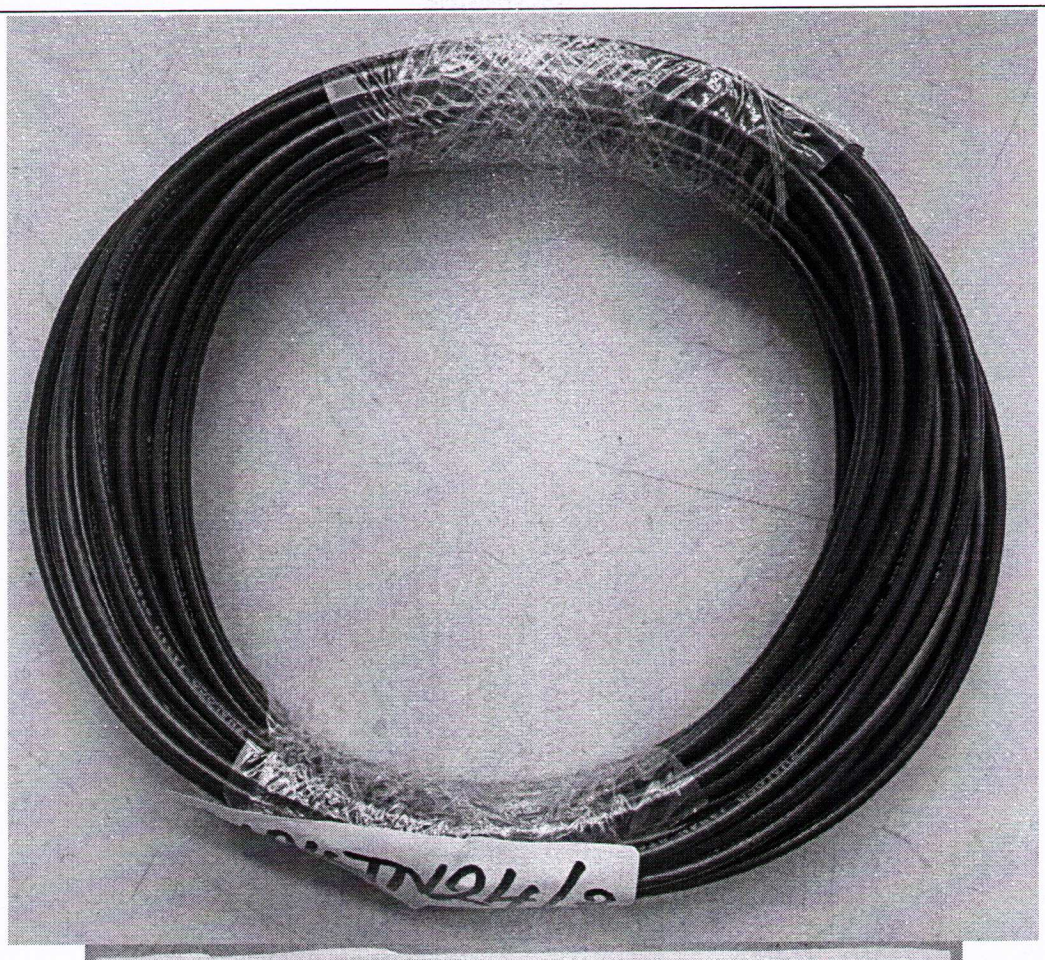

Trung tâm KN&CNCL TQC

Tên mẫu/Ký hiệu mẫu: TQC. 5882-03

Ngày lấy mẫu: 01/03/2024

Số lượng : 12 m

Họ tên và chữ ký của đại diện doanh nghiệp	Họ tên và chữ ký của chuyên gia lấy mẫu
Trần Giầu	Đậu Xuân Phong

(Kết quả trên chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm)

- Phiếu KQTN không được trích dẫn, sao chép nếu không có sự đồng ý của Trung tâm bằng văn bản, ngoại trừ việc sao chép lại toàn bộ
- Thời gian giữ mẫu 15 ngày kể từ ngày nhận kết quả. Quá thời hạn trên, Trung tâm sẽ thanh lý mẫu
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gởi mẫu.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 0104TN24/3

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM		MỨC CHẤT LƯỢNG	NHẬN XÉT
		Lõi 1	Lõi 2		
Mức chất lượng và Phương pháp thử: JIS C 3306: 2000; JIS C 3005: 2014					
1	**Thử nghiệm điện**				**Đạt**
1.1	Điện trở ruột dẫn ở 20°C (Ω/km)	33,13	32,79	≤ 36,7	Đạt
1.2	Thử nghiệm điện áp ở 1000 V trong 1 phút trong nước	Không đánh thủng		Không bị đánh thủng	Đạt
1.3	Thử nghiệm điện áp ở 2000 V trong 1 phút trong không khí	Không đánh thủng		Không bị đánh thủng	Đạt
1.4	Thử nghiệm điện áp Spark	Không áp dụng		/	/
1.5	Điện trở cách điện ở 20°C (MΩ.km)	20,8	21,2	≥ 5	Đạt
1.6	Điện trở cách điện ở 75°C (MΩ.km)	0,223	0,214	≥ 0,005	Đạt
2	**Yêu cầu về kết cấu và đặc tính kích thước**				**Đạt**
2.1	**Ruột dẫn**				**Đạt**
2.1.1	Đường kính sợi dẫn (mm)	0,178	0,178	≤ 0,18	Đạt
2.1.2	Mặt cắt ruột dẫn (mm^2)	0,473	0,473	/	/
2.1.3	Số lượng ruột dẫn	2		/	/
2.1.4	Số sợi dẫn	19	19	/	/
2.1.5	Đường kính ruột dẫn (mm)	0,776	0,776	≤ 0,9	Đạt
2.2	**Cách điện**				**Đạt**
2.2.1	Chiều dày cách điện (mm)				Đạt
	Chiều dày cách điện trung bình	0,884	0,886	≥ 0,72	Đạt
	Chiều dày cách điện nhỏ nhất	0,815	0,809	≥ 0,64	Đạt

(Kết quả trên chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm)

- Phiếu KQTN không được trích dẫn, sao chép nếu không có sự đồng ý của Trung tâm bằng văn bản, ngoại trừ việc sao chép lại toàn bộ
- Thời gian giữ mẫu 15 ngày kể từ ngày nhận kết quả. Quá thời hạn trên, Trung tâm sẽ thanh lý mẫu
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gởi mẫu.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 0104TN24/3

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM		MỨC CHẤT LƯỢNG	NHẬN XÉT
		Lõi 1	Lõi 2		
Mức chất lượng và Phương pháp thử: JIS C 3306: 2000; JIS C 3005: 2014					
3	**Tính chất cơ học của cách điện**				**Đạt**
3.1	Thử nghiệm kéo trước lão hóa				Đạt
	Độ bền kéo, giá trị giữa (N/mm^2)	11,2	11,0	≥ 10,0	Đạt
	Độ giãn dài khi đứt, giá trị giữa (%)	276,2	268,6	≥ 120	Đạt
3.2	**Thử nghiệm kéo sau lão hóa ở (90 ± 2) °C trong 96 giờ**				**Đạt**
	Độ bền kéo, giá trị giữa (N/mm^2)	10,7	10,8	≥ 10,0	Đạt
	Sự thay đổi (%)	95,5	98,1	≥ 90	Đạt
	Độ giãn dài khi đứt, giá trị giữa (%)	240,3	246,9	≥ 120	Đạt
	Sự thay đổi (%)	87,0	91,9	≥ 75	Đạt
4	**Ghi nhãn**				**Đạt**
4.1	**Xuất xứ và dấu hiệu nhận biết cáp**				**Đạt**
	Trên cáp phải chỉ ra nhà chế tạo theo chuỗi liên tục hoặc ghi nhãn lặp lại tên hoặc nhãn thương mại của nhà chế tạo	Phù hợp		Trên cáp phải chỉ ra nhà chế tạo	Đạt
	Nhãn có thể in hoặc khắc chìm trên cách điện hoặc vỏ bọc	Phù hợp		Nhãn có thể in hoặc khắc chìm trên vỏ bọc	Đạt
4.2	**Độ tiếp nối của nhãn**: Khoảng cách giữa điểm kết thúc của một lần ghi nhãn hoàn chỉnh và điểm bắt đầu của lần ghi nhãn tiếp theo.				**Đạt**
	Khoảng cách nhãn	220 mm		≤ 550	Đạt
4.3	**Độ bền nhãn**	Phù hợp		Nhãn in phải bền	**Đạt**

(Kết quả trên chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm)

- Phiếu KQTN không được trích dẫn, sao chép nếu không có sự đồng ý của Trung tâm bằng văn bản, ngoại trừ việc sao chép lại toàn bộ
- Thời gian giữ mẫu 15 ngày kể từ ngày nhận kết quả. Quá thời hạn trên, Trung tâm sẽ thanh lý mẫu
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gởi mẫu.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số: 0104TN24/3

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM		MỨC CHẤT LƯỢNG	NHẬN XÉT
		Lõi 1	Lõi 2		
Mức chất lượng và Phương pháp thử: JIS C 3306: 2000; JIS C 3005: 2014					
4.4	**Độ rõ**	Phù hợp		Tất cả nội dung ghi nhãn phải rõ ràng	**Đạt**
5	**Nhận biết lõi**				/
5.1	Bằng màu sắc	Không áp dụng		/	/
5.2	Bằng số	Không áp dụng		/	/

Ghi chú:

1. Các điều khoản JIS C 3306: 2000 không đưa vào phiếu kết quả thử nghiệm là các điều khoản cung cấp thông tin, không áp dụng hoặc khách hàng không yêu cầu thử đối với mẫu thử nghiệm.

(Kết quả trên chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm)

- Phiếu KQTN không được trích dẫn, sao chép nếu không có sự đồng ý của Trung tâm bằng văn bản, ngoại trừ việc sao chép lại toàn bộ
- Thời gian giữ mẫu 15 ngày kể từ ngày nhận kết quả. Quá thời hạn trên, Trung tâm sẽ thanh lý mẫu
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gởi mẫu.